

Số: 22/KH-TH&THCSĐC

Đại Chánh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy chế công khai năm học 2023 – 2024

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với nhà trường của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 8 /8/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Hướng dẫn số 307/PGDĐT-TH ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng GD&ĐT Đại Lộc về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cấp Tiểu học năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 332 /BC-PGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Phòng GD&ĐT Đại Lộc về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cấp Trung học cơ sở năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-TH&THCSĐC ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Trường TH&THCS Đại Chánh về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Trường TH&THCS Đại Chánh xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai cho năm học 2023-2024 như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Mục đích

Thực hiện công khai các nội dung theo quy định nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.

II. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục (thực hiện theo Biểu mẫu 09).

- Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường;
- Chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện;
- Yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh;
- Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường;
- Kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được;
- Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b. Chất lượng giáo dục thực tế: (Theo Biểu mẫu 10)

- Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp; công nhận HTCTTH
- Học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số.

c. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a. Cơ sở vật chất (thực hiện theo Biểu mẫu 11)

- Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh (nếu có);
- Số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định.

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tạo (thực hiện theo Biểu mẫu 12).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào;

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

a. Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Thông tư 36/2017/TT-BGĐT. Cụ thể:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính; Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

b. Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

4. Về hình thức và thời điểm công khai

a. Công khai trước Hội đồng sư phạm nhà trường vào kết thúc năm học và cuối năm tài chính hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b. Đối với nội dung công khai tài chính, ngoài việc thực hiện như trên, nhà trường còn phải thực hiện công khai như sau:

- Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường tuyển sinh đối với học sinh lớp 1, lớp 6.

- Phổ biến hình thức tuyển sinh cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 đối với học sinh lớp 9.

- Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới đối với học sinh đang học tại nhà trường.

III. Tổ chức thực hiện

1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh Ban chỉ đạo
1	Nguyễn Văn Năm	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Trần Thanh Nhân	P.Hiệu trưởng	P.Trưởng ban
3	Võ Thị Túc	P.Hiệu trưởng	P.Trưởng ban
4	Phạm Hồng Thứ	CTCĐ	Thư kí
5	Phan Thị Bảy	TTCM	Thành viên
6	Lê Văn Tuyên	TTCM	Thành viên
7	Ngô Thị Kim Chung	TTCM	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thắm	TTCM	Thành viên
9	Huỳnh Thị Hạ	TTCM	Thành viên
10	Võ Đình Quý	TTND	Thành viên
11	Bùi Thị Hiền	Kế toán-TTVP	Thành viên

2. Tổ chức thực hiện:

Trưởng Ban: Tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện sơ, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện 3 công khai của nhà trường của các cấp. Phụ trách công khai cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (Biểu mẫu số 09).

Phó trưởng ban: Triển khai kế hoạch của trưởng Ban đến từng thành viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên BCD thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Phụ trách công khai kết quả chất lượng giáo dục (Biểu mẫu số 10).

Thư kí: Phụ trách công khai các văn bản liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Các thành viên (TTCM): Phụ trách công khai các hoạt động của tổ chuyên môn. Thu thập thông tin hoàn thiện các Biểu mẫu 11 và 12.

Thành viên (kế toán): Phụ trách công khai các văn bản tài chính, thu chi tài chính; lương và các chế độ khác của người lao động và người học. Yêu cầu các bộ phận trong BCD và toàn thể CBGVNV nhà trường thực hiện nghiêm túc, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện Công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023-2024 của trường TH& THCS Đại Chánh./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT: để báo cáo;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Năm

PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI CHÁNH

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường TH&THCS Đại Chánh

Cấp THCS

Năm học 2023-2024

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	HS trong độ tuổi và hoàn thành chương trình Tiểu học trên địa bàn toàn Huyện, có phương án tuyển sinh riêng theo hướng dẫn của PGD –ĐT Đại Lộc.			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>+Đối với lớp 6,7,8: Thực hiện giảng dạy và học tập theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD-ĐT ban hành</p> <p>+Đối với lớp 9: Thực hiện giảng dạy và học tập theo chương trình GDPT 2006 do Bộ GD-ĐT ban hành</p>			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Thành lập mỗi lớp 1 ban đại diện CMHS (3 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên); ban đại diện CMHS của trường (07 thành viên: 01 trưởng ban; 03 phó trưởng ban; 03 ủy viên) hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường kết hợp chặt chẽ với ban đại diện CMHS của trường và của các lớp; với gia đình HS để thực hiện tốt công tác giáo dục HS trong và ngoài nhà trường.</p> <p>-Học sinh cần tích cực, tự giác, có ý thức học tập, chấp hành tốt nội qui trường lớp, hăng hái, nhiệt tình trong các hoạt động tập thể, đoàn kết, giúp đỡ bạn. Giữ gìn và phát huy truyền thống của nhà trường.</p>			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở	<p>- Có diện tích sân chơi, đảm bảo trường học xanh sạch đẹp, đảm bảo an toàn, thân thiện. Có đủ SGK, sách tham khảo, phòng đọc thư viện cho học sinh, thư viện đạt Thư viện tiên tiến. Có phòng y tế để chăm sóc sức khỏe, có phòng tư vấn học đường để tư vấn tâm lý cho học sinh.</p> <p>- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đảm bảo chủ đề chủ điểm với</p>			

	giáo dục	nội dung và hình thức phong phú. - Lòng ghép nội dung giáo dục "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ môi trường; ATGT, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, Vệ sinh an toàn thực phẩm trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Giáo dục hướng nghiệp (khối 9). - Giáo dục nếp sống văn minh cho HS. - Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, quan tâm, chăm lo, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện đảm bảo chế độ hỗ trợ học tập đúng đối tượng theo quy định.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	* Đạo đức: Tốt: 91% Khá: 9% * Học tập: Tốt: 20% Khá: 60% Đ: 18% CĐ: 2% * Sức khỏe: Tốt: 100%	* Đạo đức: Tốt: 91% Khá: 9% * Học tập: Tốt: 20% Khá: 60% Đ: 18% CĐ: 2% * Sức khỏe: Tốt: 100%	* Đạo đức: Tốt: 91% Khá: 9% * Học tập: Tốt: 20% Khá: 60% Đạt: 18% CĐ: 2% * Sức khỏe: Tốt: 100%	* Đạo đức: Tốt: 91% Khá: 9% * Học tập: Giỏi: 25% Khá: 62% TB: 13% Yếu: 0% * Sức khỏe: Tốt: 100%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	103/103 = 100%	89/89 = 100%	77/77 = 100%	82/82 = 100% TNTHCS; Xét tuyển vào lớp 10 THPT công lập đạt 70%

Đại Chánh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI CHÍNH

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường TH&THCS Đại Chính

Cấp Tiểu học

Năm học 2023-2024

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	HS trong độ tuổi và hoàn thành chương trình mầm non trên địa bàn toàn Huyện, có phương án tuyển sinh riêng theo hướng dẫn của PGD –ĐT Đại Lộc.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	+ Đối với lớp 1,2,3,4: Thực hiện giảng dạy và học tập theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD-ĐT ban hành + Đối với lớp 5: Thực hiện giảng dạy và học tập theo chương trình GDPT 2006 do Bộ GD-ĐT ban hành				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thành lập mỗi lớp 1 ban đại diện CMHS (3 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên); ban đại diện CMHS của trường (07 thành viên: 01 trưởng ban; 03 phó trưởng ban; 03 ủy viên) hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường kết hợp chặt chẽ với ban đại diện CMHS của trường và của các lớp; với gia đình HS để thực hiện tốt công tác giáo dục HS trong và ngoài nhà trường - Học sinh cần tích cực, tự giác, có ý thức học tập, chấp hành tốt nội quy trường lớp, hăng hái, nhiệt tình trong các hoạt động tập thể, đoàn kết, giúp đỡ bạn. Giữ gìn và phát huy truyền thống của nhà trường.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở	- Có diện tích sân chơi, đảm bảo trường học xanh sạch đẹp, đảm bảo an toàn, thân thiện. Có đủ SGK, sách tham khảo, phòng đọc thư viện cho học sinh, thư viện đạt Thư viện tiên tiến. Có phòng y tế để chăm sóc sức khỏe, có phòng tư				

	giáo dục	<p>vấn học đường để tư vấn tâm lý cho học sinh.</p> <p>- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đảm bảo chủ đề chủ điểm với nội dung và hình thức phong phú</p> <p>- Lồng ghép nội dung giáo dục "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ môi trường; ATGT, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, Vệ sinh an toàn thực phẩm trong một số môn học theo quy định.</p> <p>- Giáo dục nếp sống văn minh cho HS</p> <p>- Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, quan tâm, chăm lo, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện đảm bảo chế độ hỗ trợ học tập đúng đối tượng theo quy định.</p>				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>* NL-PC: T: 90% Đ: 10% CCG:0 * KT-KN HTT:65% HT: 35% CHT: 0%</p> <p>* Sức khỏe: Tốt: 100%</p>	<p>* NL-PC: T: 90% Đ: 10% CCG:0 * KT-KN HTT:65% HT: 35% CHT: 0%</p> <p>* Sức khỏe: Tốt: 100%</p>	<p>* NL-PC: T: 90% Đ: 10% CCG:0 * KT-KN HTT:65% HT: 35% CHT: 0%</p> <p>* Sức khỏe: Tốt: 100%</p>	<p>* NL-PC: T: 92% Đ: 8% CCG:0 * KT-KN HTT:60% HT: 40% CHT: 0%</p> <p>* Sức khỏe: Tốt: 100%</p>	<p>* NL-PC: T: 92% Đ: 8% CCG:0 * KT-KN HTT:60% HT: 40% CHT: 0%</p> <p>* Sức khỏe: Tốt: 100%</p>
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	82/82 = 100%	86/86= 100%	92/92= 100%	75/75= 100%	<p>79/79 = 100% Hoàn thành CTTH; Xét tuyển vào lớp 6 THCS công lập đạt 100%</p>

Đại Chánh , ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI CHÁNH

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường TH&THCS Đại Chánh, năm học 2022-2023`**

Cấp THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp K 6	Lớp K 7	Lớp K 8	Lớp K 9	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	323	89	77	81	76	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	301 93.48%					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	21 6.52%					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0					
II	Số học sinh chia theo học lực	323	89	77	81	76	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	75 23,29%					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	182 56.52%					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	64 19.87%					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.31%					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)						

III	Tổng hợp kết quả cuối năm	323	89	77	81	76	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	322	89	77	81	75	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	75 23,29%					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	182 56.52%					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	0	1	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)						
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				2		
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					17	
1	Cấp huyện					17	
2	Cấp tỉnh/thành phố					0	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp Khối 9					76	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					75	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)						

VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ						
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	

Đại Chánh , ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI CHÁNH

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường TH&THCS Đại Chánh, năm học 2022-2023`**

Cấp Tiểu học

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp K1	Lớp K 2	Lớp K3	Lớp K 4	Lớp K5
I	Số học sinh chia theo Phẩm chất	439	90	92	76	79	102
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)			0	0	0	0
	Số học sinh chia theo Năng lực						
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
II	Số học sinh chia theo KT-KN	439	90	92	76	79	102
1	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						

III	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)						
a	HTT (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HT (tỷ lệ so với tổng số)						
2	CHT (tỷ lệ so với tổng số)	3	3				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3	3	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)						
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi						
1	Cấp huyện		0	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố		0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế						
V	Số học sinh dự xét hoặc dự xét HTCTTH Khối 5						102
VI	Số học sinh được công nhận HTCTTH						102
1	HTT (tỷ lệ so với tổng số)						
2	HT (tỷ lệ so với tổng số)						
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập	0	0	0	0	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)						
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ						
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	01	0

Đại Chánh , ngày 25 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI CHÁNH

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
của trường TH&THCS Đại Chánh, năm học 2023-2024
cấp THCS

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	7	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	7	1,7/1HS
1	Phòng học kiên cố	7	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	1,7/1HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	7/10	0.7
8	Bình quân học sinh/lớp	348/10	34.8hs/Lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7.605	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.500	
VI	Tổng diện tích các phòng	29	2.776
1	Diện tích phòng học (m ²)	9	504
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	3	168
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	1	36
3	Diện tích thư viện (m ²)(kho)	3	84
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	120
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	12	476
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	

1	Khối lớp 6	1	
2	Khối lớp 7	1	
3	Khối lớp 8	Xuống cấp	
4	Khối lớp 9	Xuống cấp	
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi màn hình lớn	10	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Máy tính phòng tin	22	
6	Đèn chiếu	1	
7	Âm thanh	1	
8	Máy tính phòng làm việc	10	
9	Máy tính xách tay	3	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 32/2020/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đại Chánh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
của trường TH&THCS Đại Chánh, năm học 2022-2023
cấp Tiểu học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
-----	----------	----------	-----------

I	Số phòng học	19	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		1,7/1HS
1	Phòng học kiên cố	19	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	1	1,7/1HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	17/15	1.13
8	Bình quân học sinh/lớp	434/15	29hs/Lớp
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9320	21.4m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4000	9.2m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1404	1.86m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	918	1.86m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	135	1.86m ² /học sinh
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	54	1.86m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)(kho)	54	1.86m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	104	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 1	1	
2	Khối lớp 2	1	
3	Khối lớp 3	1	
4	Khối lớp 4	Xuống cấp	
5	Khối lớp 5	Xuống cấp	

5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	29	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi màn hình lớn	17	1
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Máy tính phòng tin	29	
6	Đèn chiếu	1	
7	Âm thanh	3	
8	Máy tính phòng làm việc	10	
9	Máy tính xách tay	4	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 32/2020/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều

cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đại Chánh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI CHÁNH

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường TH&THCS Đại Chánh, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	54			40	16	3	3								
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	42			35	5										
1	Toán	3			3				2	1		3				
2	Lý	1			1					1		1				
3	Hóa	1			1				1			1				
4	Sinh	2			2					2		2				
5	Văn	3			3				2	1		3				
6	Sử	2			2					2		2				

7	Địa	1			1				1		1		
8	Anh	4			3	1			2	1		3	1
9	GDCD												
10	Âm Nhạc	2			2				2			2	
11	Mĩ thuật	2			2				1	1		2	
12	Thể dục	2			1	1			1			1	1
13	Tin	2			2				2	0		1	
14	GV dạy nhiều môn	15			12	3			5	10		13	2
15	TPT Đội	1			1				1			1	
II	Cán bộ quản lý	3			3				3			3	
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1	
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2			2	
III	Nhân viên	9			2	1	3	3					
1	Nhân viên văn thư	1					1						
2	Nhân viên kế toán	1			1								
3	Thủ quỹ	0											
4	Nhân viên y tế	1				1							
5	Nhân viên thư	2					2						

	viện													
6	nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
9	HĐ 68 (Bảo vệ, Tạt vù)	3					3							

Ghi chú: Đánh giá chuẩn HT, PHT và chuẩn NNGV trong chu kỳ tự đánh giá.

Đại Chánh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

